

Vườn Quốc gia Ba Bể

Tên khác

Pia Bioc; Phia Booc

Tỉnh

Bắc Kạn

Tình trạng

Nghị định

Ban quản lý được thành lập

Có

Vĩ độ

22°21' - 22°29' vĩ độ Bắc

Kinh độ

105°34' - 105°42' kinh độ Đông

Vùng địa lý sinh học

06a - Nhiệt đới nam Trung Hoa



Tình trạng bảo tồn

Ba Bể là khu văn hoá lịch sử theo Quyết Định số 41-TTg, ngày 24/1/1977 của Thủ tướng Chính phủ, với diện tích 5.000 ha. Ba Bể cũng được nhắc lại trong Nghị Định 194/CT, ngày 9/8/1986 của Chủ tịch hội đồng Bộ Trưởng, và giao cho Bộ Lâm Nghiệp và các cơ quan chức năng tiến hành khảo sát và xây dựng dự án đầu tư cho Ba Bể (Anon. 1995).

Năm 1992, Viện Điều tra Quy hoạch Rừng là đơn vị được giao trách nhiệm xây dựng dự án đầu tư thành lập vườn Quốc Gia Ba Bể. Trong quyết định số 83/TTg ban hành ngày 10/11/1992 Chính phủ cũng đã chính thức phê duyệt dự án đầu tư Vườn Quốc Gia Ba Bể. Theo dự án đầu tư, vườn Quốc Gia Ba Bể được thành lập với diện tích là 7.610 ha, bao gồm: phân khu bảo vệ nghiêm ngặt 3.226 ha; phân khu phục hồi sinh thái 4.084 ha; và 300 ha diện tích mặt hồ. Ủy ban Nhân dân tỉnh Cao Bằng đã thành lập ban quản lý Vườn Quốc Gia Ba Bể ngày 10/11/1992, tuy vậy cho đến năm 1997 mới chính thức được Bộ Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn phê chuẩn (Anon 2000). Hiện tại, Vườn Quốc Gia Ba Bể do Cục Kiểm Lâm, Bộ Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn quản lý.

Trong Kế hoạch Hành Động Đa Dạng Sinh Học Quốc gia Việt Nam (Chính phủ Việt Nam/GEF 1994) đã đề xuất mở rộng vườn Quốc Gia Ba Bể lên 50.000 ha. Trong năm 1995, một dự án đầu tư mở rộng vườn Quốc Gia được xây dựng, trong dự án đầu tư này chỉ đề xuất mở rộng vườn Quốc Gia Ba Bể thành 23.340 ha (Anon. 1995), mặc dầu vậy dự án đầu tư này vẫn chưa được Bộ NN&PTNN phê duyệt. Trong danh sách các khu rừng đặc dụng Việt Nam quy hoạch đến năm 2010, diện tích của vườn Quốc Gia Ba Bể đề xuất là 23.340 ha, trong đó có 13.373 ha rừng tự nhiên (FPD 1998).

Trước khi thành lập vườn Quốc Gia Ba Bể, tỉnh Cao Bằng đã được tách trở lại thành hai tỉnh Cao Bằng và Bắc Kạn, và hiện nay vườn Quốc Gia Ba Bể thuộc tỉnh Bắc Kạn.

Địa hình và thủy văn

Vườn Quốc Gia Ba Bể với trung tâm là Hồ Ba Bể. Hồ Ba Bể có chiều dài tới 8 km và chiều rộng tới 800 m. Nằm trên độ cao 178 m, hồ Ba Bể là "hồ tự nhiên trên núi có ý nghĩa đặc biệt quan trọng ở Việt Nam." (Scott 1989). Hồ có nhiều đảo đá vôi nhỏ, độ sâu của hồ lên tới 29 m.

Độ cao của vùng dao động khoảng từ 150 đến 1.098 m. Cấu trúc địa chất trong vùng với ưu thế đá vôi với nhiều đỉnh cao lởm chởm, độ phân cắt lớn, các thung lũng, sông suối với các sườn dốc đứng. Cảnh quan núi đá vôi có nhiều hang động, trong đó Động Puông là động lớn nhất, dài tới 300 m, đây cũng là nơi có sông Năng chảy qua.

Sông Ta Nam, Nam Cường và Chợ Lèn là nguồn cung cấp nước chính cho Hồ Ba Bể. Các sông này hợp thành hệ thủy phía nam của vườn Quốc Gia. Nước Hồ Ba Bể đổ ra sông Năng, là sông chảy qua phần phía bắc của vườn Quốc Gia. Sông Năng sau đó chảy về hướng nam gặp sông Lô ở nam tỉnh Tuyên Quang.

Đa dạng sinh học

Rừng Ba Bể được chia thành hai kiểu rừng chính là rừng trên núi đá vôi và rừng thường xanh đất thấp. Rừng trên núi đá vôi phân bố trên các sườn núi đá vôi dốc có tầng đất mỏng. Rừng trên núi đá vôi che phủ tỉ lệ lớn diện tích của vườn Quốc Gia. Kiểu rừng ưu thế bởi các loài Nghiến *Burretiodendron hsienmu*, Mạy Tèo *Streblus tonkinensis*. Rừng thường xanh đất thấp phân bố ở những sườn thấp và có tầng đất mặt dày hơn. Sự đa dạng về thành phần loài khu hệ thực vật của rừng thường xanh đất thấp cao hơn nhiều so với rừng trên núi đá vôi (Hill *et al.* 1997).

Nhìn chung mức độ tác động từ cộng đồng đến rừng ở đây cao, trong đó khai thác gỗ, và phát rừng làm rẫy là những hoạt động phổ biến đáng được quan tâm chú ý. Hiện chỉ còn lại diện tích rất nhỏ rừng tự nhiên trong vườn Quốc Gia là chưa bị tác động (Hill *et al.* 1997).

Tổng số 603 loài thực vật bậc cao có mạch thuộc 137 họ đã ghi nhận cho vườn Quốc Gia Ba Bể. Trong đó có 10 loài có trong sách đỏ của Việt Nam (Anon. 1996, Hill *et al.* 1997).

Khu hệ động vật Vườn Quốc Gia Ba Bể hiện chưa được hiểu biết đầy đủ do nghiên cứu còn hạn chế. Nhóm động vật được nghiên cứu đầy đủ nhất là nhóm bướm. Trong khoảng thời gian hai năm 1997 và 1998 các đợt khảo sát đã ghi nhận 332 loài bướm cho vườn Quốc Gia, trong đó có 20

loài là những phát hiện mới cho khu hệ bướm Việt Nam (Monastyrskii *et al.* 1998).

Đối với khu hệ thú, vườn Quốc Gia có ý nghĩa đặc biệt quan trọng với sự có mặt của loài Voọc đen má trắng *Semnopithecus francoisi francoisi* và Cây vằn bắc *Hemigalus owstoni*. Rất ít có khả năng Voọc mũi hếch *Pygathrix avunculus*, là loài linh trưởng bị đe dọa toàn cầu ở mức bị đe dọa nghiêm trọng, vẫn còn sinh sống ở trong vùng lõi của vườn Quốc Gia Ba Bể. Loài Voọc này đã từng bị coi là tuyệt chủng cho đến khi chúng được phát hiện lại ở khu bảo tồn thiên nhiên Na Hang vào năm 1992. Gần đây Voọc mũi hếch cũng đã được tìm thấy ở một số địa điểm ở miền bắc Việt Nam. Theo nguồn thông tin từ các cán bộ của vườn Quốc Gia Ba Bể thì Voọc mũi hếch có thể đã từng xuất hiện ở vùng tây bắc của vườn, gần đây nhất là vào năm 1997. Thông tin phỏng vấn thợ săn và các di vật săn bắn chứng tỏ rằng có thể có ba đàn Voọc mũi hếch vẫn còn sinh sống ở phần phía nam của vùng để xuất mở rộng của vườn Quốc Gia (N. Lormee pers. comm. 2000). Nếu những nhận định về sự có mặt của Voọc mũi hếch ở vườn Quốc Gia Ba Bể được xác thực, điều đó sẽ có ý nghĩa rất lớn nâng cao tầm quan trọng của các giá trị bảo tồn của vườn. Cho đến nay với những thông tin trên cũng đã đặt ra nhiều tranh luận về sự cần thiết đánh giá lại để xuất mở rộng trước đây.

Vườn Quốc Gia Ba Bể là khu bảo vệ duy nhất trong hệ thống các khu bảo vệ của Việt Nam có ý nghĩa bảo tồn sự đa dạng của các sinh cảnh nước ngọt. Điều này phần nào phản ánh sự đa dạng của các loài cá được tìm thấy cho vườn Quốc Gia (Anon. undated). Nhìn chung cho đến nay thông tin về khu hệ động vật, thực vật, các giá trị bảo tồn còn hạn chế, vì vậy đòi hỏi tiến hành thêm các nghiên cứu về khu vực này.

Các vấn đề về bảo tồn

Hiện tại có khoảng 2.871 người thuộc các dân tộc Tày, Dao, H'Mông và Kinh sinh sống trong phạm vi ranh giới của vườn Quốc Gia (Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bắc Kạn 2000). Hoạt động kinh tế chính của người dân là canh tác lúa nước, mặc

dầu vôi do diện tích đất phù hợp cho sản xuất lúa nước ít nên người dân vẫn phải tham gia các hoạt động săn bắn, khai thác lâm sản trong vườn Quốc Gia. Cộng đồng sinh sống ở vùng đệm của vườn Quốc Gia cũng tham gia khai thác tài nguyên rừng, đặc biệt là cư dân của các thôn bản nằm dọc theo các đường chính dẫn vào vùng trung tâm vườn Quốc Gia (Nông Thế Diễn, Phó Giám đốc vườn Quốc Gia Ba Bể, pers. comm. 2000).

Raintree *et al.* (1999) đã xác định các mối đe dọa lớn nhất đối với đa dạng sinh học từ các hộ gia đình sinh sống ở vùng đệm là: khai thác gỗ củi trái phép cho nhu cầu sử dụng của hộ gia đình; khai thác trái phép các sản phẩm phi gỗ; săn bắn; mở rộng đất nông nghiệp trong phạm vi vườn Quốc Gia; chăn thả gia súc trong vườn Quốc Gia; gây ô nhiễm nguồn nước hồ do sử dụng chất nổ và các chất độc thuốc cá; ô nhiễm môi trường do các chất thải cứng và xăng dầu từ các hoạt động du lịch bằng thuyền trên hồ; và sự lắng đọng lòng hồ do các hoạt động sản xuất nông nghiệp trong vùng lưu vực của ba con sông chính cung cấp nước cho hồ.

Vườn Quốc Gia Ba Bể có 65 cán bộ công nhân viên làm việc tại trụ sở ban quản lý và bốn trạm bảo vệ.

Trong Kế Hoạch Hành Động Đa Dạng Sinh Học Quốc Gia Việt Nam (Chính phủ Việt Nam/GEF 1994) cũng đã đề xuất thực hiện một dự án bảo tồn cảnh quan với mục đích bảo vệ một hành lang sinh cảnh tự nhiên nối vườn Quốc Gia Ba Bể và khu bảo tồn thiên nhiên Na Hang ở phía tây. Một hành lang như vậy được thiết lập sẽ làm tăng hiệu quả của công tác bảo tồn, khả năng tồn tại và phát triển lâu dài của cả hai khu sẽ cao hơn. Đề xuất này hiện đang được thực hiện trong khuôn khổ dự án PARC do UNDP tài trợ.

Các giá trị khác

Hồ Ba Bể là địa điểm du lịch khá nổi tiếng. Năm 1999, đã có 20.000 du khách đến tham quan vườn Quốc Gia (Nông Thế Diễn, Phó Giám Đốc Vườn Quốc Gia Ba Bể pers. comm. 2000). Cùng với hệ thống sông suối trong vùng, hồ Ba Bể đóng vai trò quan trọng đối với sự giao lưu đi lại của

người dân địa phương. Chính xuống là phương tiện giao thông nổi tuyến đường ở hai bờ phía đông và phía tây của hồ. Hồ cũng là nơi cung cấp nguồn thủy sản quan trọng cho người dân địa phương và giữ vai trò quan trọng trong việc điều tiết lũ sông Năng. Như vậy có thể thấy hồ Ba Bể có nhiều chức năng kinh tế và môi trường quan trọng đối với các địa phương trong vùng và vùng lân cận.

Thảm thực vật rừng của Vườn Quốc Gia giữ vai trò phòng hộ đầu nguồn cho hồ Ba Bể. Nếu không có thảm rừng này sẽ dẫn đến xói lở đất do tăng dòng chảy mặt. Hồ sẽ mất khả năng trữ nước vào mùa lũ do lòng hồ bị lắng đọng gây nên những hậu quả lũ lụt nghiêm trọng cho cộng đồng vùng hạ lưu sông Năng.

Các dự án có liên quan

Hiện tại dự án *Xây dựng các khu bảo vệ bảo tồn tài nguyên thiên nhiên thông qua bảo tồn sinh thái cảnh quan (PARC)*, mã số VIE/95/G31, là dự án về bảo tồn lớn nhất hiện đang được thực hiện ở Vườn Quốc Gia Ba Bể. Nội dung của dự án được ký ngày 20/11/1998, với sự tài trợ tài chính từ Quỹ Môi Trường Toàn Cầu (GEF). Dự án này cũng đang được thực hiện tại khu bảo tồn thiên nhiên Na Hang và vườn Quốc Gia Yên Sơn. Mục tiêu của dự án là tiếp cận sinh thái học cảnh quan trong công tác bảo tồn. Tại khu bảo tồn thiên nhiên Na Hang và Vườn Quốc Gia Ba Bể dự án được thực hiện bởi tổ chức Scott Wilson Asia-Pacific Ltd.

Viện Kinh Tế Sinh Thái (Eco-Eco) cũng đang tiến hành các hoạt động ở vùng đệm của Vườn Quốc Gia Ba Bể trong khuôn khổ của dự án có tên *Sử dụng bền vững nguồn lâm sản phi gỗ*. Dự án được thực hiện bởi Trung Tâm Nghiên cứu các Sản phẩm Phi gỗ, thuộc Bộ NN&PTNN. Dự án do chính phủ Hà Lan tài trợ với sự hỗ trợ kỹ thuật của IUCN.

Helvetas và FINNIDA cũng đang thực hiện một số dự án xung quanh Vườn Quốc Gia, tuy vậy đến nay chưa thu thập được thông tin về các dự án này.

Tài liệu tham khảo

Anon. (1992) Natural and social conditions. Unpublished report to the State Committee on Ethnic Minorities and Mountainous Areas.

Anon. (1995) Feasibility study and proposal for implementation of the extended Ba Be National Park. Hanoi: Forest Inventory and Planning Institute.

Anon. (1995) [Investment plan for extension of Ba Be National Park]. Hanoi: Forest Inventory and Planning Institute. In Vietnamese.

Anon. (1997) [Ba Be National Park, Bac Can province, Vietnam]. Sinh Hoc Ngay Nay [Science Today] 3(9): 41-42. In Vietnamese.

Anon. (1997) [Investment plan for Ba Be National Park]. Hanoi: Forest Inventory and Planning Institute. In Vietnamese.

Bac Can Provincial FPD (2000) [FPD questionnaire]. Bac Can: Bac Can Provincial Forest Protection Department. In Vietnamese.

Bates, P. J. J., Harrison, D. L., Jenkins, P. D. and Walston, J. L. (1998) Three rare species of *Pipistrellus* (Chiroptera: Vespertilionidae) new to Vietnam. Acta Zoologica 43(4): 359-374.

Bui Van Dinh, Cao Van Sung and Pham Duc Tien (1995) Presentation of Ba Be National Park. Pp 81-84, 229-232 in Vietnam Forest Science Technology Association (1995) Proceedings of the national conference on national parks and protected areas of Vietnam. Hanoi: Agricultural Publishing House. In English and Vietnamese.

Cao Van Sung, Le Quy An, Dang Huy Huynh, Pham Ngoc Dang, Nguyen Dac Huy, Tran Hieu Nhue and Mai Dinh Yen eds. (1995) Environment and bioresources of Vietnam: present situation and solutions. Hanoi: The Gioi Publishers.

CRES (1997) Study on socio-economic root causes of biodiversity loss in two distinct eco-regions of Vietnam: case studies of Ba Be National Park and Na Hang Nature Reserve in the mountainous north and Yok Don National Park in

the Central Highlands. Hanoi: Centre for Natural Resources and Environmental Studies.

CRES (1997) [Study on socio-economic root causes of biodiversity loss in two distinct eco-regions of Vietnam: case studies of Ba Be National Park and Na Hang Nature Reserve in the mountainous north and Yok Don National Park in the Central Highlands]. Hanoi: Centre for Natural Resources and Environmental Studies. In Vietnamese.

Dang Ngoc Can and Nguyen Truong Son (1999) Field report of survey on Tonkin Snub-nosed Monkey (*Rhinopithecus avunculus*) in Bac Can, Thai Nguyen and Tuyen Quang provinces (October and November 1999). Unpublished report to the Institute of Ecology and Biological Resources and the Fauna and Flora International-Indochina Programme.

Do Quang Tung (1999) [Features of Vietnam's PARC project: VIE/95/G31]. Lam Nghiep [Vietnam Forest Review] May 1999: 17-18. In Vietnamese.

Hill, M., Hallam, D. and Bradley, J. (1997) Ba Be National Park: biodiversity survey 1996. London: Society for Environmental Exploration.

Kemp, N. (1994) Site summaries from Nui Hoang Lien Nature Reserve and Ba Be National Park. Unpublished report to Frontier-Vietnam.

Kemp, N., Le Mong Chan and Dilger, M. (1994) Site description and conservation evaluation: Ba Be National Park, Cao Bang province, Vietnam. London: Society for Environmental Exploration.

Le Mong Chan (undated) Some primary information on forest status and flora in the national park of Ba Be (Cao Bang) the natural reserves of Ba Na (Quang Nam-Da Nang) and Hoang Lien (Lao Cai). Unpublished report to Xuan Mai Forestry College.

Monastyrskii, A. L., Bui Xuan Phuong and Vu Van Lien (1998) Butterfly fauna of Ba Be National Park: survey 1997. Hanoi: Vietnam-Russia Tropical Centre.

Monastyrskii, A. L. and Hill, M. J. (1999) Butterfly fauna of protected areas in north and central Vietnam; collections 1994-1997. *Atalanta* 29(1): 185-208.

PARC Ba Be/Na Hang (2000) Ba Be National Park visitor information. Tourism leaflet produced by the PARC Project in Ba Be and Na Hang.

Pham Duc Tien (1990) [List of mammals: Ba Be National Park]. Unpublished report to the Institute of Ecology and Biological Resources. In Vietnamese.

Raintree, J. B., Le Thi Phi and Nguyen Van Duong (1999) Report on a diagnostic survey of conservation problems and development opportunities in Khang Ninh commune in the buffer zone of Ba Be National Park. Hanoi: Forest Science Institute of Vietnam.

Scott, D. A. (1989) A directory of Asian wetlands. Gland: IUCN.

WCMC (2000) Ba Be Historic and Cultural Reserve/National Park. Datasheet from the World Conservation Monitoring Centre Website.